

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 06-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng vốn góp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lập

Ông Võ Văn Thới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 09/10/2023, thụ lý bổ sung số 221/2023/TB-TLVA ngày 22/11/2023, số 230/2023/TLST-KDTM ngày 16/12/2023 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: Số E, đường N, khu phố B, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số C đường T, phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần L1

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D LA, đường D, Khu Công Nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê T1, sinh năm 1974 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Địa chỉ thường trú: Số F ngõ E đường L, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH N

Địa chỉ trụ sở: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi L – Chủ tịch công ty (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết H do ông Nguyễn Hồng T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/5/2019, bà Nguyễn Thị Tuyết H và Công ty Cổ phần L1 (sau đây gọi tắt là Công ty L1) có ký kết Biên bản thỏa thuận và Hợp đồng để chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N (sau đây gọi tắt là Công ty N) thuộc sở hữu của bà H cho Công ty L1, với giá chuyển nhượng là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng), chia thành 02 đợt thanh toán, mỗi đợt 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) và thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 22/6/2019.

Theo đó, bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng đã xác nhận Công ty L1 trở thành chủ sở hữu mới của Công ty N vào ngày 14/5/2019. Tuy nhiên, Công ty L1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đúng như đã cam kết với bà H. Đến ngày 22/6/2019, Công ty L1 chỉ thanh toán cho bà H số tiền chuyển nhượng đợt 01 là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).

Sau đó, từ ngày 23/07/2019 đến 25/02/2020, Công ty L1 thanh toán tiếp 04 đợt cho bà H với tổng số tiền là 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng), bao gồm:

- + Ngày 23/7/2019: thanh toán 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng)
- + Ngày 12/12/2019: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)
- + Ngày 13/01/2020: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)
- + Ngày 25/02/2020: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

Như vậy, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn góp chưa thanh toán là 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng).

Bà H đã nhiều lần yêu cầu Công ty L1 thanh toán nhưng không được giải quyết. Tại cuộc họp ngày 16/4/2021, người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 tại thời điểm đó là ông Nguyễn Phi L đã xác nhận công nợ và đề nghị cho thêm thời gian trả nợ và sẽ trả lời vào cuộc họp ngày 06/5/2021.

Sau nhiều lần trì hoãn, tại cuộc họp ngày 10/5/2021, bà H đã yêu cầu Công ty L1 thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc là 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng) và

tiền lãi do chậm trả là 10%/năm kể từ ngày phát sinh khoản nợ đến ngày thanh toán và phải trả hết trong vòng 03 tháng kể từ ngày 10/5/2021. Công ty L1 đã xác nhận công nợ, nhưng về phương án trả thì sẽ xin ý kiến của ban lãnh đạo và phản hồi chậm nhất là 01 tuần kể từ ngày 10/5/2021.

Đến ngày 27/12/2021, sau hơn 07 tháng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty L1, bà H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng T gửi thông báo yêu cầu Công ty L1 thanh toán công nợ lần cuối và yêu cầu phải phản hồi trước 10/01/2022. Tuy nhiên, đã quá thời hạn nhưng Công ty L1 vẫn trốn tránh và không có thiện chí hợp tác để trả nợ. Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty L1 thanh toán cho bà H 01 lần toàn bộ số tiền 24.594.500.000 đồng (hai mươi bốn tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bao gồm:

- Tiền nợ gốc còn lại là: 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng).
- Lãi suất do chậm trả (tạm tính đến ngày 10/01/2022) là: 7.594.500.000 đồng (bảy tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).
- Đồng thời yêu cầu Công ty L1 tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc tính từ ngày 11/01/2022 đến khi giải quyết xong với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, trong các ngày 23/6/2022; 23/7/2022 và ngày 25/8/2022, Công ty L1 có trả thêm cho bà H số tiền vốn còn nợ với tổng cộng số tiền là 300.000.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu Công ty Cổ phần L1 phải trả cho bà số tiền 24.333.095.890 đồng. Trong đó, nợ gốc là 16.700.000.000 đồng, nợ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 7.633.095.890 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp từ ngày 01/11/2023 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

- Công ty Cổ phần L1 phải thanh toán 01 lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đồng thời phải tiếp tục trả lãi với lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết tiền gốc.

Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty L1 do bà Nguyễn Thị Hồng P đại diện theo ủy quyền trình bày tại biên bản làm việc ngày 16/5/2022, biên bản hòa giải ngày 13/4/2022:

Công ty L1 có ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của bà Nguyễn Thị Tuyết H tại Công ty N và còn nợ bà H số tiền đúng như người đại diện cho bà H đã trình bày. Công ty L1 yêu cầu trả số tiền nợ còn lại cho bà H theo phương án đề xuất là 100.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết công nợ gốc. Đối với số tiền lãi mà bà H yêu cầu, Công ty L1 không đồng ý trả.

Trong thời gian qua, do có sự thay đổi bộ máy nhân sự nên công ty gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý giải quyết các hợp đồng, giao dịch đã ký kết giữa các cá nhân, tổ chức và người đại diện theo pháp luật cũ. Cho nên, Công ty L1 đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để chờ kết quả giải quyết của cơ quan thuế,

để làm rõ phạm vi trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật cũ đối với các giao dịch đã ký kết cũng như tính hợp pháp, hợp lệ của các giao dịch đó. Nhận thấy kết quả giải quyết của cơ quan thuế có ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Công ty L1 đề nghị Tòa án hoãn việc đưa vụ án ra xét xử và tạo điều kiện cho công ty có thời gian thực hiện quyết toán thuế để có cơ sở giải quyết vụ việc.

Từ ngày Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử bị đơn không có văn bản hay ý kiến nào nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 22/12/2023 Công ty L1 có Văn bản số 12.22(1)/2023/LVF đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An tạm đình chỉ giải quyết vụ án đợi kết quả kết quả giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty L1, do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định hủy bỏ quyết định không mở thủ tục phá sản số 02/2022/QĐ-KDTM ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đồng thời giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết lại và do Công ty L1 là một trong những công ty nằm trong danh sách các công ty có liên quan đến vụ án đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C khởi tố điều tra nên phải đợi kết quả giải quyết của các cơ quan này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Công ty Cổ phần L1 phải trả cho bà H số tiền vốn góp còn nợ là 16.700.000.000 đồng, tiền nợ chậm thanh toán từ ngày 23/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/5/2024 theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%/tháng và yêu cầu công ty Cổ phần L1 phải thanh toán 01 lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/9/2024 trước đây, do sơ xuất trong quá trình tính lãi nên bà H có rút lại yêu cầu thanh toán đòi trả số tiền lãi 2.189.716.333 đồng (24.594.500.000 đồng - 22.404.783.667 đồng), tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông xác định số tiền lãi bà H yêu cầu là đúng quy định pháp luật nên bà H giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét các chứng cứ có trong vụ án nhận thấy: Hiện tại, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền góp vốn là 16.700.000.000 đồng. Công ty L1 yêu cầu trả số tiền gốc còn lại cho bà H theo phương án đề xuất là 100.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc và yêu cầu không trả số tiền lãi, nhưng bà H không đồng ý. Theo sự thỏa thuận của các bên thì Công ty L1 có nghĩa vụ trả đủ số tiền chuyển nhượng vốn góp cho bà H vào ngày 22/6/2019. Bà H đã hoàn tất các thủ tục để Công ty L1 nhận chuyển nhượng 100% vốn góp thuộc sở hữu của bà H tại Công ty N và Công ty L1 đã đứng tên chủ sở hữu Công ty N vào ngày 14/5/2019. Tuy nhiên, đến nay

là đã quá hạn thỏa thuận, nhưng Công ty L1 không thanh toán đủ số tiền vốn chuyển nhượng cho bà H là vi phạm nghĩa vụ nên Công ty L1 phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ và tiền lãi phát sinh cho bà H đúng theo quy định. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H. Buộc Công ty L1 thanh toán cho bà H một lần toàn bộ số tiền là 16.700.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi: Giữa bà H và Công ty L1 thỏa thuận thời hạn thanh toán cuối cùng là 22/6/2019, tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho bà H. Do đó yêu cầu tính lãi của H với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) cho đến khi trả xong nợ là có cơ sở chấp nhận.

Công ty L1 còn trình bày thêm do Công ty đang bị yêu cầu mở thủ tục phá sản theo yêu cầu của một số doanh nghiệp, cá nhân và đã có Quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh số 46/2023/QĐ-PT ngày 25/5/2023 về việc giải quyết đề nghị xem xét lại quyết định không mở thủ tục phá sản. Thêm vào đó Công ty L1 là một trong những công ty nằm trong danh sách các công ty có liên quan đến vụ án đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ C khởi tố điều tra. Nhưng đến nay công ty chưa mở thủ tục phá sản và theo xác nhận của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh L thì Công ty L1 vẫn đang hoạt động, vốn điều lệ 2.880 tỷ đồng dư nợ rất nhiều, trong khi các doanh nghiệp yêu cầu phá sản không có đơn yêu cầu khác và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ C cũng chưa có văn bản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu nên việc Công ty L1 đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 385, 401, 468 Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H, buộc Công ty Cổ phần L1 trả cho bà H số tiền nợ gốc 16.700.000.000đ và lãi suất do chậm trả tiền, trả lãi đối với số tiền nợ gốc với mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 23/6/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu Công ty L1 phải thanh toán số tiền chuyển nhượng phần vốn góp của bà H tại Công ty TNHH N mà Công ty L1 còn nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Trong hồ sơ vụ án, bị đơn có cung cấp giấy ủy quyền ngày 28/3/2022 về việc Công ty Cổ phần L1 do ông Nguyễn Phi L đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng P tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tuy nhiên, xét thấy ông Nguyễn Phi L không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần L1 (hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lê T1) nên giấy ủy quyền ngày 28/3/2022 nêu trên không còn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Long An thông báo cho Công ty Cổ phần L1 về việc Tòa án không chấp nhận giấy ủy quyền ngày 28/3/2022 của Công ty Cổ phần L1 và đề nghị Công ty Cổ phần L1 cử người tham gia tố tụng trong vụ án hoặc cung cấp giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn không cử người đại diện theo ủy quyền khác, cũng như không cung cấp giấy ủy quyền hợp

lệ cho Tòa án nên người đại diện theo pháp luật của bị đơn phải tự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự trong vụ án.

[3] Công ty L1 có văn bản đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giải quyết của yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có quyết định không mở thủ tục phá sản số 02/2022/QĐ-KMTTPS theo yêu cầu của Công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị Tuyết H. Ngày 25/5/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại quyết định không mở thủ tục phá sản số 46/2023/QĐ-PT, chấp nhận đề nghị xem xét lại quyết định không mở thủ tục phá sản của Công ty TNHH M, hủy bỏ quyết định không mở thủ tục phá sản số 02/2022/QĐ-KMTTPS ngày 30/6/2022 và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét giải quyết lại, tuy nhiên, đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Long An vẫn chưa nhận được hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chuyển về nên chưa thụ lý lại yêu cầu mở thủ tục phá sản, hơn nữa, sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 18/7/2023 và ngày 20/7/2023 Công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty L1 nên không còn căn cứ để tạm đình chỉ theo điểm g khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Công ty L1 yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C đối với Công ty L1 theo điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Công ty L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh việc giải quyết Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C đối với Công ty L1 có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến vụ án Tòa án đang giải quyết và tính đến thời điểm xét xử vụ án, Tòa án cũng không nhận được văn bản nào về việc đề nghị tạm dừng giải quyết vụ án của các cơ quan có thẩm quyền nên không có cơ sở để tạm đình chỉ theo yêu cầu của Công ty L1.

[4] Công ty L1 có ý kiến trong hồ sơ vụ án là đề nghị Tòa án triệu tập ông Phạm Ngô Quốc T2 và các người đại diện theo pháp luật cũ tham gia vụ án để xác nhận việc hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc để làm rõ phạm vi trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật cũ đối với các giao dịch đã ký kết cũng như tính hợp pháp, hợp lệ của các giao dịch đó. Hội đồng xét xử xét thấy, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là người đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp. Giao dịch chuyển nhượng vốn giữa bà H và Công ty L1 có hiệu lực, Công ty L1 phải chịu trách nhiệm trực tiếp đối với bà H chứ không phải là cá nhân những người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đối với bà H. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vi phạm trách nhiệm của mình thì phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp. Trong vụ án này thì ông Phạm Ngô Quốc T2 và những người đại diện theo pháp luật cũ cũng không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên không cần thiết phải đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[5] Tại phiên tòa, bị đơn Công ty L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H, thấy rằng:

[6.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết H và Công ty L1 đã xác định: Ngày 14/5/2019 bà H và Công ty L1 có ký kết Biên bản thỏa thuận và Hợp đồng để chuyển nhượng 100% vốn góp của bà H tại Công ty N cho Công ty L1, với giá chuyển nhượng là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng), chia thành 02 đợt thanh toán, mỗi đợt 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) và thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 22/6/2019. Công ty L1 đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền 43.300.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty L1 còn nợ số vốn là 16.700.000.000 đồng. Công ty L1 đồng ý trả số tiền gốc còn lại cho bà H theo phương án đề xuất là 100.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc và yêu cầu không đồng ý trả số tiền lãi, nhưng bà H không đồng ý.

[6.2] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự thỏa thuận của các bên thì Công ty L1 có nghĩa vụ trả đủ số tiền chuyển nhượng vốn góp cho bà H vào ngày 22/6/2019. Bà H đã hoàn tất các thủ tục để Công ty L1 nhận chuyển nhượng 100% vốn góp thuộc sở hữu của bà H tại Công ty N và Công ty L1 đã đứng tên chủ sở hữu Công ty N vào ngày 14/5/2019. Tuy nhiên, đến nay là đã quá hạn thỏa thuận, nhưng Công ty L1 không thanh toán đủ số tiền vốn chuyển nhượng cho bà H là vi phạm nghĩa vụ. Cho nên, Công ty L1 phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày chậm thanh toán cho bà H theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[6.3] Về lãi suất chậm thanh toán: Xét thấy, tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và Biên bản thỏa thuận giữa bà H và Công ty L1 thì các bên không có thỏa thuận trả lãi nếu vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán mà chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên có lợi cho bị đơn, do đó, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.4] Về lãi chậm thanh toán:

- Đối với số tiền vốn còn nợ là 30.000.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 23/6/2019 đến ngày 23/7/2019 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 10.000.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 30.000.000.000 đồng x 0,83% x 01 tháng = 249.000.000 đồng.

- Từ ngày 24/7/2019, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 20.000.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 24/7/2019 đến ngày 12/12/2019 (ngày Công ty

L1 trả cho bà H 1.000.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 20.000.000.000 đồng x 0,83% x 04 tháng 18 ngày = 763.600.000 đồng.

- Từ ngày 13/12/2019, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 19.000.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 13/12/2019 đến ngày 13/01/2020 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 1.000.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 19.000.000.000 đồng x 0,83% x 01 tháng = 157.700.000 đồng.

- Từ ngày 14/01/2020, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 18.000.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 14/01/2020 đến ngày 25/02/2020 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 1.000.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 18.000.000.000 đồng x 0,83% x 01 tháng 11 ngày = 204.180.000 đồng.

- Từ ngày 26/02/2020, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 17.000.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 26/02/2020 đến ngày 23/6/2022 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 17.000.000.000 đồng x 0,83% x 27 tháng 28 ngày = 3.941.393.000 đồng.

- Từ ngày 24/6/2022, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 16.900.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 24/6/2022 đến ngày 23/7/2022 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 16.900.000.000 đồng x 0,83% x 29 ngày = 135.594.000 đồng.

- Từ ngày 24/7/2022, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 16.800.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 24/7/2022 đến ngày 25/8/2022 (ngày Công ty L1 trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền vốn), với số tiền lãi là: 16.800.000.000 đồng x 0,83% x 01 tháng 01 ngày = 148.736.000 đồng.

- Từ ngày 26/8/2022, Công ty L1 còn nợ bà H số tiền vốn là 16.700.000.000 đồng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 26/8/2022 đến ngày 06/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), với số tiền lãi là: 16.700.000.000 đồng x 0,83% x 20 tháng 10 ngày = 2.818.403.000 đồng

Tổng cộng, tính đến hết ngày 06/5/2024 Công ty L1 phải trả cho bà H số tiền lãi là 8.418.606.000 đồng

[6.5] Từ các phân tích trên, buộc Công ty Cổ phần L1 trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 25.118.606.000 đồng. Trong đó số tiền vốn là 16.700.000.000 đồng và 8.418.606.000 đồng tiền lãi.

[7] Bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu Công ty L1 thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực. Công ty L1 đề nghị được trả hàng tháng 100.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của Công ty L1 không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền trên cho nguyên đơn.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Công ty L1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Tuyết H được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 37, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 4468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với Công ty Cổ phần L1.

Buộc Công ty Cổ phần L1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 25.118.606.000 đồng (hai mươi lăm tỷ một trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng), trong đó số tiền vốn góp còn nợ là 16.700.000.000 đồng (mười sáu tỷ bảy trăm triệu đồng) và 8.418.606.000 đồng (tám tỷ bốn trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền lãi chậm thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần L1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 133.118.606 đồng (một trăm ba mươi ba triệu một trăm mười tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng). Bà Nguyễn Thị Tuyết H được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- THA tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy